

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành
Phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân và tổ chức bị ảnh hưởng
do GPMB để thực hiện Dự án Nhà máy nước sạch Quy Nhơn (giai đoạn 1),
khu đất xây dựng công trình thu và trạm bơm nước thô
tại phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khu Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 306/TTr-STC ngày 04/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

1. Tên công trình: Phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân và tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện Dự án Nhà máy nước sạch Quy Nhơn (giai đoạn 1), khu đất xây dựng công trình thu và trạm bơm nước thô tại phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn.

2. Đơn vị thực hiện bồi thường, GPMB: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh.

3. Cơ quan phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định.

4. Thời gian thực hiện: Năm 2021-2022

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt lần cuối	Số phê duyệt quyết toán
	Tổng cộng chi phí	4.721.429.000	4.721.369.000
I	Giá trị bồi thường, hỗ trợ	4.619.794.000	4.619.794.000
II	Chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB (2%)	92.396.000	91.575.000
II.1	Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	56.908.000	56.221.000
1	Chi kiểm kê, đánh giá đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại	1.500.000	1.500.000
2	Chi lập, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ khâu tính toán các chỉ tiêu bồi thường đến khâu phê duyệt phương án bồi thường, thông báo công khai phương án bồi thường	4.500.000	4.300.000
3	Chi phục vụ kiểm tra, hướng dẫn chính sách bồi thường giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường và tổ chức thực hiện chi trả tiền bồi thường	2.100.000	2.070.000
4	Chi phí thẩm định phương án bồi thường và thẩm định dự toán chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB cho Dự án		
4.1	Chi phí thẩm định PA bồi thường, GPMB tổng thể và chi tiết	3.983.000	3.983.000
4.2	Chi phí thẩm định dự toán và quyết toán chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB	1.707.000	1.707.000
5	Chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm và xăng xe	4.229.000	4.161.000
6	Chi thuê nhân công lao động phục vụ công tác GPMB, hỗ trợ và tái định cư	18.000.000	18.000.000
7	Chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư		
7.1	Chi phụ cấp kiêm nhiệm	11.300.000	11.300.000
7.2	Chi khác liên quan đến công tác GPMB (chi thuê nhà, nước uống, cọc tre, sơn, thước, cước phí bưu chính,	9.589.000	9.200.000

	công cụ dụng cụ, ngoài giờ công tác quyết toán dự án, các cuộc họp khác, chỉnh lý sổ đỏ, thuê xe chi trả tiền xăng, giám sát bốc mộ, xác nhận nguồn gốc đất...)		
II,2	Quyết định số 3111/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	35.488.000	35.354.000
4	Chi phí thẩm định phương án bồi thường và thẩm định dự toán, quyết toán chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB		
4.1	Chi phí thẩm định PA tổng thể, phương án chi tiết	2.484.000	2.484.000
4.2	Chi phí thẩm định dự toán và quyết toán chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB	1.065.000	1.065.000
5	Chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm và xăng xe	840.000	840.000
6	Chi thuê nhân công lao động phục vụ công tác GPMB, hỗ trợ và tái định cư	11.000.000	11.000.000
7	Chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư		
7.1	Chi phụ cấp kiêm nhiệm	13.600.000	13.600.000
7.2	Chi khác liên quan đến công tác GPMB (chi thuê nhà, nước uống, cọc tre, sơn, thước, cước phí bưu chính, công cụ dụng cụ, ngoài giờ công tác quyết toán dự án, các cuộc họp khác, chỉnh lý sổ đỏ, thuê xe chi trả tiền xăng, giám sát bốc mộ, xác nhận nguồn gốc đất...)	6.499.000	6.365.000
III	Chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế	9.239.000	0
IV	Chi phí khác	0	10.000.000
	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0	10.000.000

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

T T	Nội dung	Dự toán lần cuối	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
	Tổng cộng chi phí	4.721.429	4.721.369	4.711.369	10.000	0
	Vốn đã thanh toán: Vốn do Công ty TNHH MTV Cấp nước Senco Quy Nhơn chi trả			4.711.369		

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: không.

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 4.721.369.000 đồng.

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: 4.721.369.000 đồng.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Được phép tắt toán nguồn và chi phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân và tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện Dự án Nhà máy nước sạch Quy Nhơn (giai đoạn 1), khu đất xây dựng công trình thu và trạm bơm nước thô tại phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn là: 4.721.369.000 đồng (bao gồm 21 hộ dân và UBND phường Nhơn Hòa).

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	4.721.369.000	
1) Đã bố trí : Vốn do Công ty TNHH	4.711.369.000	

MTV Cấp nước Senco Quy Nhơn chi trả		
2) Vốn còn thanh toán tiếp:	10.000.000	

2. Các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán (24/4/2023) là:

Tổng nợ phải trả (Chi phí khác: Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán): 10.000.000 đồng.

Điều 4. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn theo đúng quy định của Nhà nước.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn, Chủ tịch UBND phường Nhơn Hòa, Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Senco Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh N.T.C.Hoàng;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K14.

Chữ

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng